

TÒA ÁN NHÂN DÂN

THỊ XÃ BA ĐÒN

TỈNH QUẢNG BÌNH

Bản án số: 34/2024/HS-ST

Ngày 26 - 7 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐÒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Văn Chương

Ông Nguyễn Quốc Đồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1986, tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958 (đã chết) và bà Phạm Thị T, sinh năm 1959; có vợ: Cao Thị H, sinh năm 1991 và 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017); tiền án: không; tiền sự: Ngày 20/5/2022, bị Tòa án nhân dân thị xã B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 15 tháng tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Quảng Bình theo Quyết định số 01/2022/QĐ-TA ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân thị xã B. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Nhà tạm

giữ Công an thị xã B, kể từ ngày 25/4/2024 cho đến nay. Theo lệnh trích xuất bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Đoàn Thị Mỹ H, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn N, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 24/4/2024, Nguyễn Văn S thấy ông Nguyễn Văn H đang cầm lưới để đi thả lưới bắt cá, còn bà Nguyễn Thị L (vợ ông H) đang đứng ở giếng nước phía dưới nhà ông H. S nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đã đi ra phía sau nhà ông H, bà L thì thấy cửa phụ nhà mở, rồi đi vào trong nhà và đi đến phòng ngủ ở tầng 01 cạnh phòng khách thì thấy 02 điện thoại di động (01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 7 Z5G, màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A6 màu xanh dương) để ở trên bàn học phía bên phải của phòng ngủ. S lấy trộm 02 điện thoại di động trên để vào túi quần rồi đi về nhà mình.

Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 73K1- 098.36 mang 02 điện thoại trộm cắp được đến cửa hàng vàng bạc và cầm đồ ở thôn N, xã Q, thị xã B của chị Đoàn Thị Mỹ H bán điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 7 Z5G, màu đen cho chị H với giá 1.700.000 đồng. Sau đó S điều khiển xe mô tô đến cửa hàng “Táo Zin” thuộc khu phố 5, phường B, thị xã của anh Trần Văn Đ bán 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A6 màu xanh dương với giá 500.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên S đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá số 06/KL-HĐ ngày 25/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã B, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu

OPPO Reno 7 Z5G, màu đen, đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá 2.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A6 màu xanh dương có giá 800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản tại thời điểm chiếm đoạt là 2.800.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã thu giữ: 02 điện thoại di động (01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 7 Z5G, màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A6 màu xanh dương), kết quả xác minh 02 điện thoại trên là của ông Nguyễn Văn H; xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 73K1- 098.36 là của anh Hoàng Văn L cho Nguyễn Văn S mượn để sử dụng làm phương tiện đi lại, anh L không biết S sử dụng vào việc trộm cắp tài sản nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 273 ngày 30/5/2024 trả lại 02 điện thoại cho bị hại ông Nguyễn Văn H; trả lại 01 xe mô tô cho anh Hoàng Văn L.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn H đã nhận lại tài sản bị mất trộm nên không yêu cầu gì về dân sự. Bị cáo Nguyễn Văn S đã hoàn trả số tiền 1.700.000 đồng cho chị Đoàn Thị Mỹ H và số tiền 500.000 đồng cho anh Trần Văn Đ.

Liên quan trong vụ án, có chị Đoàn Thị Mỹ H và Trần Văn Đ đã mua tài sản mà Nguyễn Văn S trộm cắp mà có. Tuy nhiên, khi mua chị H và anh Đ không biết tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã B chỉ nhắc nhở, giáo dục chung.

Tại bản Cáo trạng số 28/CT - VKSBĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 06 đến 08 tháng tù.

Tại phiên Tòa bị cáo nhất trí với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố, không tham gia tranh luận thêm.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo có điều kiện trở về giúp đỡ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, Nguyễn Văn S đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố đối với bị cáo. Như vậy, đã đủ cơ sở để khẳng định vào khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 24/4/2024 tại thôn T, xã Q, thị xã B, Nguyễn Văn S đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông Nguyễn Văn H để lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 02 điện thoại di động (01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 7 Z5G, màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A6 màu xanh dương) tổng trị giá 2.800.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành, có gia đình, vợ con, có đầy đủ năng lực hành vi để nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, xét xử bị cáo với mức án tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản bị chiếm đoạt đã được trả lại cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, cần căn cứ vào các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo có nhân thân xấu, hiện đang có 01 tiền sự: Ngày 20/5/2022, bị Tòa án nhân dân thị xã B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 15 tháng tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Quảng Bình theo Quyết định số 01/2022/QĐ-TA ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân thị xã B. Điều này cho thấy bị cáo là đối tượng lười lao động, thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác, coi thường pháp luật, liều lĩnh, sẵn sàng phạm tội để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Vì vậy, cần căn cứ vào Điều 38 Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một gian nhất định để bị cáo tu dưỡng, rèn luyện mình trở thành người công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B thu giữ và đã trả lại cho bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, không có ai có yêu cầu gì. Xét thấy việc thu giữ và xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu về dân sự, cam kết không khiếu kiện, khiếu nại gì về sau. Tại phiên tòa hôm nay, bị hại vắng mặt nhưng quá trình điều tra không có ý kiến gì nên không xem xét.

[8] Về án phí: Xử buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 và khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 25/4/2024)

3. Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong

4. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

5. Về án phí: Xử buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 25/7/2024 (Đối với những người có mặt) hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật (Đối với những người vắng mặt).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Công an thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA;
- THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tướng Thị Hà